TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/10/2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Hoài Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Thái Cao Bình**

2/ Ông **Lê Quý Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoa Kim Cúc** – Thư ký Toà án nhân dân huyện C.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông **Bùi Văn Hùng** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 162/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2018 về việc: "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Tú O** - Sinh năm: 1991

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt tại phiên toà)

2. Bị đơn: Anh **Phạm Quang P** - Sinh năm: 1984

Địa chỉ: thôn D, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2018, bản tự khai ngày 30/5/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị Tú O trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Chị Lê Thị Tú O và anh Phạm Quang P tự nguyện sống chung với nhau năm 2014 nhưng đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31/2015, quyển số 01/2015 ngày 03/6/2015.

Quá trình chung sống: Từ năm 2016 đến nay, giữa chị O và anh P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình và thường xuyên gây sự đánh đập chị O. Giữa năm 2017, chị O đã đưa các con về nhà cha mẹ ruột tại thành phố C

ở nhờ cho đến nay. Cũng từ thời gian đó, chị O và anh P đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị O nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống cùng nhau được nên chị O yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Quang P.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị O và anh P có 02 con chung là cháu Phạm Khánh A sinh ngày 23/12/2014 và cháu Phạm Quang P sinh ngày 05/02/2018. Hiện nay, các cháu A, P đang sống cùng chị O; chị O yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho mỗi cháu.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Lê Thị Tú O đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Phạm Quang P không chấp hành các quy định của pháp luật về tố tụng, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn cũng như về việc nuôi con và cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 10/5/2018, chị Lê Thị Tú O có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Quang P, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn Phạm Quang P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về yêu cầu ly hôn*: Chị Lê Thị Tú O và anh Phạm Quang P tự nguyện kết hôn với nhau năm 2015 và được UBND xã S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31/2015, quyển số 01/2015 ngày 03/6/2015, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị O và anh P đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi, ẩu đả nhau. Nguyên nhân là do anh P không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phục nữ khác, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên gây sự đánh đập chị O. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng anh P vẫn cố tình vắng mặt, cho thấy thái độ bất cần, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh P. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân

giữa chị O và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Tú O.

[3] *Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Chị O và anh P có 02 con chung chưa thành niên là cháu Phạm Khánh A sinh ngày 23/12/2014 và cháu Phạm Quang P sinh ngày 05/02/2018. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay các cháu A, P đang sống với chị O, chị O có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con. Để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phát triển thể chất của các cháu A, P nên chấp nhận yêu cầu của chị O, tiếp tục giao các cháu A, P cho chị O nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị O yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi cháu. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh P phải cấp dưỡng nuôi con là cần thiết và mức cấp dưỡng mà chị O yêu cầu là hợp lý, phù hợp với mức sống tại địa phương nên chấp nhận.

[4] *Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn:* Chị Lê Thị Tú O không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] *Về án phí:* Chị Lê Thị Tú O phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Lê Thị Tú O được chấp nhận nên anh Phạm Quang P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Lê Thị Tú O được ly hôn với anh Phạm Quang P.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao các cháu Phạm Khánh A sinh ngày 23/12/2014 và cháu Phạm Quang P sinh ngày 05/02/2018 cho chị Lê Thị Tú O được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Quang P phải cấp dưỡng nuôi các cháu Phạm Khánh A, Phạm Quang P mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu A, P đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Chị Lê Thị Tú O không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Tú O phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai

số AA/2016/0004280 ngày 16/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C; chị Lê Thị Tú O đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Phạm Quang P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Quy định: Kể từ ngày chị Lê Thị Tú O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu hàng tháng anh Phạm Quang P không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoài Tâm